

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 28-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Quàng Văn Liêm.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Bà Hà Thị Vũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bằng, Thư ký tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2018/HSST ngày 31/01/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2018/QĐXXST-HS ngày 02/3/2018 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Cà Văn T (tên gọi khác: Không), sinh năm 1972, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Đội a, xã B, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông L - sinh năm 1919 và con bà U - sinh năm 1927; có vợ chị H- sinh năm 1972 và 03 người con, con lớn nhất sinh năm 1992, con nhỏ nhất sinh năm 1996; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24 tháng 10 năm 2017, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lường Văn P (tên gọi khác: Không), sinh ngày 04 tháng 10 năm 1990, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Đội a, xã B, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đ(đã chết) và con bà Q, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 24/10/2017, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Ông Nguyễn Trần D - Luật sư, Văn phòng luật sư D, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

Nơi cư trú: tổ dân phố 10, phường L, thành phố P, tỉnh Điện Biên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Bà Cà Thị H - Sinh năm: 1972.

Nơi cư trú: Đội a, xã B, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 23/10/2017, Cà Văn T bảo Lương Văn P (là người đang ở nhờ nhà T) cầm tiền đi lên khu vực biên giới mốc 105, thuộc xã H, huyện Đ, gặp người Lào mua Heroin về cho T sử dụng và bán lẻ, P đồng ý, sau đó T gọi điện thoại cho một người phụ nữ Lào tên E đặt vấn đề mua 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng, tiền Heroin, bà E đồng ý. Khoảng 14 giờ ngày 23/10/2017, T cầm theo 6.500.000 đồng của gia đình và điều khiển xe máy đèo P đến khu vực dốc Yên Ngựa thuộc xã L, huyện Đ, tại đây T đưa cho P 6.500.000 đồng và hẹn P đến điểm hẹn gặp, đưa tiền cho bà E người Lào và cầm Heroin về cho T, khi nào mua Heroin về đến đây thì gọi điện thoại để T đến đón. P cầm tiền đi bộ một mình theo đường rừng đến khu vực biên giới mốc 105 gặp bà E. Qua trao đổi, P đã đưa 6.500.000 đồng cho bà E và nhận gói Heroin, sau đó P đặt vấn đề mua 02 triệu đồng tiền Heroin, bà E đi một lúc sau quay lại đưa cho P một gói Heroin và nói chỗ này 05 chỉ, giá 05 triệu đồng, P nói cháu chỉ có 02 triệu đồng và xin nợ 03 triệu đồng khi nào bán được thì mang tiền đến trả, bà E đồng ý, P đưa tiền cho bà E và nhận gói Heroin, cùng lúc đó bà E đưa cho P 01 gói nhỏ Heroin và 01 gói hồng phiến nói là trả công cho P đi mua Heroin cho ông T, sau đó bà E cho toàn bộ số ma túy vào túi ni lon màu trắng và đưa lại cho P. P cầm ma túy đi bộ về, khi về đến gần dốc Yên Ngựa thuộc xã L, huyện Đ, P gọi cho T đến đón, gặp nhau P đã đưa cho T gói ma túy và nói trong này còn có 02 gói nhỏ Heroin và 01 gói hồng phiến là của P. T hỏi P số Heroin và hồng phiến của mày mua về để làm gì? P nói mua về để sử dụng và bán. P điều khiển xe máy, chở T ngồi sau và cầm gói ma túy. Khi đi về đến khu vực đội 9B, xã Thanh Luông huyện Điện Biên vào khoảng 01 giờ ngày 24/10/2017 thì bị tổ công tác của Bộ đội biên phòng và Công an xã phối hợp bắt quả tang thu giữ trên tay của Cà Văn T 01 gói ma túy, bên trong có 03 gói Heroin và 01 gói hồng phiến. Xác định trọng lượng số ma túy thu giữ của các bị cáo có trọng lượng là 84,62 gam Heroin và 0,48 gam Methamphetamine:

Tại bản kết luận giám định số 70/GĐ-PC54 ngày 13/11/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Điện Biên, Kết luận: “03 (ba) mẫu chất bột màu trắng ký hiệu M1, M2, M3 gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Cà Văn T, Lương Văn P là chất ma túy, loại heroin. Mẫu viên nén màu hồng ký

hiệu M4 gửi giám định trích ra từ vật chứng thu giữ của Cà Văn T, Lường Văn P là chất ma túy, loại Methamphetamine”.

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKS-P1 ngày 29/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Cà Văn T, Lường Văn P về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm h khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, các bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Sau khi bị bắt tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017). Đề nghị hội đồng xét xử tuyên phạt các bị cáo từ 17 đến 18 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 194/BLHS năm 1999 vì không có khả năng thi hành. Vật chứng vụ án, đề nghị tuyên tịch thu, tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã bị thu giữ (đã trừ mẫu giám định) và giấy chứng nhận xe máy. Tịch thu, sung ngân sách nhà nước hai điện thoại di động, một xe máy là phương tiện các bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội.

Người bào chữa do Tòa án chỉ định, bào chữa cho các bị cáo sau khi phân tích tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội các bị cáo đã gây ra, nhất trí với bản Cáo trạng và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên về tội danh và điều luật truy tố. Các bị cáo thực hiện hành vi có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo T là người khởi xướng, bị cáo P là người thực hành tích cực. Lượng ma túy trong định lượng khoản 3 Điều 194/BLHS năm 1999, nhưng các bị cáo bị bắt khi đang thực hiện hành vi vận chuyển, cho nên đã giảm đi phần nào hậu quả của việc mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo. Đề nghị hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo T 16 năm tù, bị cáo P 15 năm tù, không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo.

Về chiếc xe máy các bị cáo đã dùng vào việc thực hiện hành vi phạm tội nhưng xe là tài sản mang tên bà Cà Thị H (vợ của bị cáo T). Tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân, nên thuộc đồng sở hữu của bà T. Khi sử dụng vào mục đích phạm tội bà H không biết. Đề nghị Hội đồng xét xử trả chiếc xe máy cho bà H.

Theo đơn đề nghị và tại phiên tòa bà Cà Thị H đề nghị HĐXX xem xét trả lại cho bà chiếc xe máy, vì xe máy mang tên bà, do bà bán thóc, lợn để mua, ông T không đóng góp gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cà Văn T và Lường Văn P là đối tượng nghiện ma túy, để có ma túy sử dụng và bán kiếm lời, ngày 23/10/2017, tại nhà Cà Văn T ở Đội a, xã B, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Cà Văn T bảo Lường Văn P, cầm tiền đi lên khu vực biên giới mốc 105 thuộc xã H, huyện Đ, gặp người Lào mua Heroin về cho T sử dụng và bán lẻ, P đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại cho một người phụ nữ Lào tên là E đặt vấn đề mua 6.500.000 (sáu triệu năm trăm nghìn) đồng tiền Heroin, bà E đồng ý. Khoảng 14 giờ ngày 23/10/2017, T cầm theo 6.500.000 đồng của gia đình và dùng xe máy đèo P đến khu vực dốc Yên Ngựa thuộc xã L, huyện Đ. Tại đây T đưa cho P 6.500.000 đồng và dặn P đến điểm hẹn gặp, đưa tiền cho bà E người Lào và cầm Heroin về cho T, khi nào mua được Heroin quay về thì gọi điện thoại để T đến đón. Khi P đến khu vực biên giới mốc 105 gặp một người phụ nữ Lào, theo T nói thì đó là bà E. Qua trao đổi, P đã đưa 6.500.000 đồng cho bà E và nhận gói Heroin, sau đó P đặt vấn đề mua 02 triệu đồng tiền Heroin, bà E đi một lúc sau quay lại đưa cho P một gói Heroin và nói chỗ này 05 chỉ, giá 05 triệu đồng, P nói cháu chỉ có 02 triệu đồng và xin nợ 03 triệu đồng khi nào bán được thì mang tiền đến trả, bà E đồng ý, P đưa tiền cho bà E và nhận gói Heroin, cùng lúc đó bà E đưa cho P 01 gói nhỏ Heroin và 01 gói hồng phiến nói là trả công cho P đi mua Heroin cho ông T, sau đó bà E cho toàn bộ số ma túy vào túi ni lon màu trắng và đưa lại cho P. P cầm ma túy đi bộ về, khi về đến gần dốc Yên Ngựa thuộc xã L, huyện Đ, P gọi cho T đến đón. Khi P đưa cho T gói ma túy và nói trong này còn có 02 gói nhỏ Heroin và 01 gói hồng phiến là của P. T hỏi P, số Heroin và hồng phiến của mày mua về để làm gì? P nói mua về để sử dụng và bán. P điều khiển xe máy, trở T ngồi sau và cầm gói ma túy. Khi đi về đến khu vực đội 9B, xã L, huyện Đ vào khoảng 01 giờ ngày 24/10/2017 thì bị tổ công tác của Bộ đội Biên phòng và Công an xã phối hợp bắt quả tang.

[3] Tại kết luận giám định số 70/GĐ-PC54 ngày 13/11/2017 của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Điện Biên đã kết luận các mẫu gửi giám định vật chứng M1, M2, M3 trong vụ án Cà Văn T, Lường Văn P là chất ma túy, loại Heroin. Mẫu giám định M4 là ma túy, loại Methamphetamine. Từ chứng cứ nêu trên đủ căn cứ kết luận bị cáo Cà Văn T và bị cáo Lường Văn P đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại Điều 194 của Bộ luật Hình sự.

Hồi 08 giờ ngày 27/10/2017, cơ quan điều tra công an tỉnh Điện Biên tiến hành lập Biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng số ma túy thu giữ của các bị cáo có trọng lượng là 84,62 gam Heroin và 0,48 gam Methamphetamine. Từ các chứng cứ nêu trên, bị cáo Cà Văn T và bị cáo Lường Văn P đã phạm tội mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm h khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

[3] Từ các chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ khẳng định T và P đã cùng thống nhất mua ma túy về sử dụng và bán lẻ kiếm lời. Trong đó T là người khởi

xuong, P là người cùng thực hành tích cực mua 57,52 gam Heroin. P chủ động mua thêm 19,1gam heroin của E. Ngoài ra P được E trả công 8,00 gam heroin và 0,48 gam Methamphetamine vì đã đi mua ma túy cho T. Nhưng khi vận chuyển, T được biết và trực tiếp cầm toàn bộ số ma túy trên cho đến khi bị bắt. Vì vậy, T và P đều cùng phải chịu trách nhiệm hình sự với tổng số 84,62 gam Heroin và 0,48 gam Methamphetamine.

Do đó, hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Bởi vậy, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện Kiểm sát tỉnh Điện Biên đã truy tố và kết luận bị cáo đã phạm vào tội mua bán trái phép chất ma túy, theo qui định tại điểm h khoản 3 Điều 194 BLHS năm 1999 là chính xác, có căn cứ đúng pháp luật, bị cáo không bị oan. Vì vậy, HĐXX thấy rằng cần áp dụng một mức hình phạt tù phù hợp với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra là cần thiết

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy rằng sau khi bị bắt, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo là người dân tộc Thái nhận thức pháp luật còn hạn chế; bản thân các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Bởi vậy, HĐXX thấy rằng cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Thông qua đó để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội, tạo điều kiện cho bị cáo rèn luyện, cải tạo tốt sớm trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, theo quy định khoản 5 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm thấy rằng, các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có tài sản gì. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo nhất trí với bản Cáo trạng và bản Luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, và đề nghị trả lại cho vợ bị cáo T là bà H chiếc xe máy, đề nghị của người bào chữa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[6] Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 của BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy: 80,64 gam Heroin; 04 viên nén màu hồng có trọng lượng (khối lượng) 0,39 gam Methamphetamine (đã trừ mẫu giám định).

- Tịch thu, bán lấy tiền sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại máy có bàn phím. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, thu giữ của Lường Văn P.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu POINT màu xanh, loại máy có bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, thu giữ của Cà Văn T.

Vì các bị cáo đã sử dụng điện thoại để liên lạc mua bán ma túy.

- Trả lại cho bà Cà Thị H:

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α màu xanh, biển kiểm soát 27B1-199.N, số khung:RLHHC1218D, số máy: HC12E-51K. Xe đã qua sử dụng, tình trạng cũ nát, kiểm tra không phát hiện thu giữ gì bên trong xe, thu giữ của Cà Văn T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của xe HONDA WAVE α màu xanh, biển kiểm soát 27B1-199.N, mang tên chủ xe Cà Thị H, địa chỉ: Đội a, xã B, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

Vì xe máy là P T mà bị cáo T đã dùng để thực hiện hành vi phạm tội, nhưng là tài sản thuộc sở hữu của Cà Thị H, khi bị cáo T sử dụng xe máy đi mua ma túy bà H không biết. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47/BLHS năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) trả lại cho bà Cà Thị H.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 6 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm h khoản 3 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Cà Văn T và bị cáo Lường Văn P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Hình phạt:

Xử phạt bị cáo **Cà Văn T 17 (mười bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/10/2017).

Xử phạt bị cáo **Lường Văn P 17 (mười bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/10/2017).

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS, Điều 106 của BLTTHS.

- Tịch thu, tiêu hủy: 80,64 gam Heroin; 04 viên nén màu hồng có trọng lượng (khối lượng) 0,39 gam Methamphetamine (đã trừ mẫu giám định).

- Tịch thu, sung ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại nhãn hiệu NOKIA màu đen, loại máy có bàn phím. Máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, thu giữ của Lường Văn P.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu POINT màu xanh, loại máy có bàn phím, máy cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong máy, thu giữ của Cà Văn T.

- Trả lại cho bà Cà Thị H:

+ 01 (một) xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE α màu xanh, biển kiểm soát 27B1-199.N, số khung: RLHHC1218D, số máy: HC12E-51K. Xe đã qua sử dụng, tình trạng cũ nát, kiểm tra không phát hiện thu giữ gì bên trong xe, thu giữ của Cà Văn T.

+ 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy của xe HONDA WAVE α màu xanh, biển kiểm soát 27B1-199.N, mang tên chủ xe Cà Thị H.

4. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Cà Văn T và bị cáo Lường Văn P mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai hình sự sơ thẩm. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/03/2018).

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Phòng HC STP tỉnh Điện Biên;
- Lưu.

Quàng Văn Liêm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quàng Văn Liêm

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;
- Người bào chữa;
- Bị cáo;
- Phòng HC STP tỉnh Điện Biên;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quàng Văn Liêm